TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Hùng;

2. Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2017/QĐST – HNGĐ ngày 09/8/2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Diệu T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu T có Luật sư Nguyễn Văn L thuộc Văn phòng luật sư Phạm D - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản không thể tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Vũ T tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, huyện Đ, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, Quyển 01/2004. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng khá hạnh phúc. Năm 2013, mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng lẫn nhau. Bà đã cố gắng rất nhiều để giữ cho con có một gia đình nhưng vợ chồng không còn sự cảm thông và tôn trọng dành cho nhau. Bà và ông T đã không còn chung sống hơn một năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nay tại Tòa, bà yêu cầu được ly hôn dứt khoát với ông T vì không còn tình cảm.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Tiến A, sinh ngày 22/10/2004. Nếu Tòa cho ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ T vắng mặt nhưng có lời khai tại Tòa: Ông và bà Trần Thị Diệu T tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ủy ban nhân dân phường P, huyện Đ, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển 01/2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có rất nhiều bất đồng ý kiến và nhiều lý do mẫu thuẫn khác. Nay ông Trọng cảm thấy tình cảm giữa ông và bà T không còn, không thể chung sống với nhau được nữa và ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà Thúy có 01 con chung tên Nguyễn Tiến A, sinh ngày 22/10/2004. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì ông có điều kiện để chăm sóc con tốt hơn bà T. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu T trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu T. Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vũ T. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tiến A, sinh ngày 22/10/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt nhưng có lời khai tại Tòa. Cả hai cùng trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung , không còn sự cảm thông và tôn trọng nhau. Bà T yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý. Tòa án tiến hành hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không lý do, điều này thể hiện, ông T không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Tiến A, sinh ngày 22/10/2004. Nay tại Tòa, cả hai tranh chấp nuôi con. Tuy nhiên trong quá trình giải, ông T vắng mặt không có lý do. Bà T là người đang trực tiếp chăm sóc con. Mặt khác, trẻ Nguyễn Tiến A cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Phía ông T không cung cấp chứng cứ, không chứng minh khả năng nuôi con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị, Hội đồng xét xử ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nội dung hai bên đã thống nhất được với nhau: Về hôn nhân: Hai bên thống nhất về thời điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và cả hai thống nhất ly hôn. Về tài sản chung: Cả hai thống nhất tự giải quyết.

Nội dung hai bên chưa thống nhất: Hai bên tranh chấp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị Diệu T lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận 2 nhận định:

1. Về mặt tố tụng:

Bà Trần Thị Diệu T xin ly hôn ông Nguyễn Vũ T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Vũ T hiện đang cư trú tại Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ 1 vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 09/8/2017 cho tất cả các đương sự trong hồ sơ vụ án nhưng ông T vắng mặt, bà T có mặt. Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ 2 yêu cầu các bên có mặt tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận Z vào

lúc 8 giờ 30 phút ngày 29/8/2017 để nghe xét xử nhưng tại Tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Vũ T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

2. Về nội dung vụ án.

Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Diệu T và ông Nguyễn Vũ T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, huyện Đ, Tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển 01/2004. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà T và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên Tòa hôm nay, bà T xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai vợ chồng, mục đích hôn nhân vì vậy cũng không đạt được, bà và ông T có nhiều khác biệt trong quan điểm sống. Do đó, bà T giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có lời khai tại Tòa, ông T đồng ý ly hôn với bà T vì không còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tiến hành triệu tập các bên đến Tòa để tiến hành hòa giải, cũng như kéo dài thời gian giải quyết vụ án để hai bên suy nghĩ, nhìn nhận lại tình cảm vợ chồng, bỏ qua cho nhau mọi lỗi lầm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia định, nuôi dạy con chung nhưng phía ông T vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Điều này, chứng tỏ, ông T không còn thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông T tại Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng được trả lời không có thông tin. Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Diệu T và ông Nguyễn Vũ T là không còn tình cảm, cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Vì vậy, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 về phần hôn nhân là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Diệu T được ly hôn ông Nguyễn Vũ T.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà T, ông T và tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định bà T và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Tiến A, sinh ngày 22/10/2004. Cả hai tranh chấp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tống đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu các bên có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành hòa giải cũng như nghe ý kiến của các bên về phần con chung. Tuy nhiên, phía ông Nguyễn Vũ T vắng mặt không lý do. Ông T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh khả năng nuôi con. Đồng thời, Tòa án nhân dân Quận 2 cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác minh xem ai có điều kiện tốt nuôi con chung. Tuy nhiên, phía địa phương cũng không nắm rõ thông tin. Mặt khác, Tòa án cũng tiến hành lấy ý kiến đối với trẻ Nguyễn Tiến A. Tại Tòa, trẻ Nguyễn

Tiến A có ý kiến muốn được ở chung với mẹ vì bố thường xuyên đi làm xa. Hiện nay, trẻ Nguyễn Tiến A cũng đang ở với bà Trần Thị Diệu T. Để đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất lẫn tinh thần cũng như không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của trẻ Nguyễn Tiến A nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Tiến A, sinh ngày 22/10/2004 cho bà Trần Thị Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 về phần con chung là có cơ sở.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Vũ T cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Diệu T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T và ông T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán cần rút kinh nghiệm về thời hạn giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án ly hôn, hai bên tranh chấp nuôi con chung. Tòa án cần phải tiến hành xác minh tại địa phương đối với tranh chấp nói trên. Do phía bị đơn ông Nguyễn Vũ T vắng mặt tại các buổi hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và xét xử nên Tòa án phải thực hiện thủ tục tống đạt trực tiếp cũng như niêm yết các văn bản tống đạt đối với ông T, vì vậy, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Diệu T phải chịu án phí hôn nhân và đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004794 ngày 20/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà T đã nộp đủ án phí. Ông T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu T:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Diệu T được ly hôn ông Nguyễn Vũ T (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển 01/2004 tại Ủy ban nhân dân phường P, huyện Đ, tỉnh B).

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tiến A, sinh ngày 22/10/2004 cho bà Trần Thị Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Vũ T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Diệu T không yêu cầu ông Nguyễn Vũ T cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Tự giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Diệu T phải chịu án phí hôn nhân và đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004794 ngày 20/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà T đã nộp đủ án phí.

3.Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị Diệu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với ông Nguyễn Vũ T là 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hợp pháp bản án.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 2;
- THA DS Quận 2;
- TANDTPHCM;
- UBND phường P, huyện Đ,Tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Hoài